

ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ BÌNH THẠNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND

Bình Thạnh, ngày tháng năm 2018

### BÁO CÁO

#### ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI và BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG

Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi

*Báo cáo này nhằm là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do công đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là người nghèo trong khu vực rủi ro cao, phụ nữ, người cao tuổi và người khuyết tật nhiều lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên kiến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho các kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.*

#### I- GIỚI THIỆU CHUNG VỀ XÃ

##### 1. Đặc điểm tự nhiên

a) Vị trí địa lý, ranh giới hành chính, sông, suối, rừng, núi, biển...

##### \* Vị trí

Bình Thạnh là một xã nằm ở phía Bắc huyện Bình Sơn, cách trung tâm huyện Bình Sơn 15 km có giới cận như sau:

- Phía Đông giáp Sông Trà Bồng, xã Bình Đông.
- Phía Tây giáp xã Tam Nghĩa, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
- Phía Nam giáp xã Bình Chánh.
- Phía Bắc giáp Biển Đông.

##### \* Địa hình

Là một xã đất cát bạc màu, giáp Biển Đông ảnh hưởng của khí hậu gió mùa, nên khô hạn, địa hình rộng và phức tạp, dân số đông; hiện xã nằm trong KKT Dung Quất.

##### \* Tài nguyên nước

- Nước mặt: Nguồn nước mặt được cung cấp chủ yếu bởi 70,75 ha đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng.
- Nước ngầm: Là nguồn tài nguyên quan trọng để bổ sung cho nguồn nước mặt phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

##### \* Tài nguyên rừng

Trước đây toàn xã có 55,0 ha rừng, chiếm 3,47% diện tích tự nhiên; toàn bộ là rừng sản xuất. Năm 2015, xã Bình Thạnh không còn rừng nữa.

##### \* Không khí

Không khí trong lành, không bị ô nhiễm bởi nguồn thải từ các ngành sản xuất; các nguồn thải vào môi trường không khí chủ yếu từ các cơ sở sản xuất chăn nuôi, trồng trọt nhưng mang tính cục bộ.

**\* Các hệ sinh thái**

Hệ sinh thái nông nghiệp đơn thuần, các đối tượng cây trồng và vật nuôi truyền thống; hệ sinh thái trong đất khá phong phú, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp.

**b) Đặc điểm khí hậu nổi bật**

Xã nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn, đặc điểm khí hậu của xã được thể hiện rõ theo hai mùa; mùa khô từ tháng 02 đến tháng 9, mùa mưa từ tháng 10 đến tháng 01 năm sau.

Các tháng có nhiệt độ cao từ tháng 02 đến tháng 08 (cao nhất là các tháng 6,7 và 8); nhiệt độ cao nhất 40 - 41<sup>0</sup>C; các tháng có nhiệt độ thấp từ tháng 11 đến tháng 12 và tháng 01 năm sau, nhiệt độ trung bình 25,7<sup>0</sup>C.

- Chế độ gió: Hướng gió hình thành ở khu vực xã chủ yếu là 2 hướng Tây Nam và Đông Bắc. Hướng gió Tây Nam hoạt động từ tháng 02 đến tháng 7, từ tháng 8 đến tháng 01 năm sau chủ yếu là hướng gió Đông Bắc. Tốc độ trung bình cả năm là 2,8m/g; tốc độ gió lớn nhất là 20 - 40m/s.

- Độ ẩm: Độ ẩm trong năm có sự chênh lệch khá lớn, mùa khô có độ ẩm rất thấp nhưng tăng nhanh vào mùa mưa. Từ tháng 9 trở đi, độ ẩm tăng lên nhanh chóng và duy trì mức ẩm lớn đến tháng 02 năm sau; độ ẩm cao nhất vào tháng 11 là 92%.

- Bốc hơi: Lượng bốc hơi trung bình 700 - 900 mm/năm. Vào các tháng ít mưa, lượng bốc hơi khá lớn, nhất là vào các tháng mùa hè, lượng bốc hơi trung bình từ 119 - 163 mm/tháng, đó là thời kỳ rất nắng, nóng và thường có gió Tây Nam khô nóng. Vào các tháng mùa mưa, khả năng bốc hơi thấp, chỉ chiếm 20 - 40% lượng mưa trong tháng.

- Năng lượng: Tổng số giờ nắng trung bình trong năm khoảng 4320 giờ. Các tháng có số giờ nắng cao nhất từ tháng 4 đến tháng 7, trung bình đạt từ 120 - 180 giờ/tháng.

- Mưa: Lượng mưa trung bình hàng năm khoảng 1.800 - 2.300 mm/năm nhưng phân bố không đồng đều các tháng trong năm, tập trung chủ yếu các tháng 10, 11 với lượng mưa bình quân khoảng 400 - 500 mm/tháng, chiếm 48% lượng mưa cả năm; các tháng 2, 3, 4 có lượng mưa thấp, trung bình khoảng 60 - 70 mm/tháng.

TT	Điều kiện khí hậu	Đặc điểm		Dự báo BĐKH của Tỉnh năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (Theo báo cáo của Bộ TNMT 2016) <sup>1</sup>
1	Nhiệt độ trung bình hàng năm (°C)	25,7	25,7	25,7
2	Nhiệt độ cao nhất hàng năm (°C)	40 - 41	40 - 41	40 - 41
3	Nhiệt độ thấp nhất hàng năm (°C)	18 - 19	18 - 19	18 - 19
4	Lượng mưa Trung bình (mm)	1.800-2300mm/năm	9, 10, 11, 12	Tăng thêm khoảng 25.1 mm
5	Độ ẩm tương đối (%)	70 - 92	70 - 92	70 - 92
	<b>Diễn biến</b>	<b>Diễn biến</b>	<b>Tần suất /năm</b>	
6	Xu hướng hạn	Hạn hán có xu hướng gia tăng	01-02 lần /năm	
7	Xu hướng bão	Tần suất ngày càng tăng, cường độ mạnh, di chuyển dần về phía Nam	07-08 lần /năm	

<sup>1</sup> [http://www.imh.ac.vn/files/doc/KichbanBDKH\\_KBBDKH\\_2016.pdf](http://www.imh.ac.vn/files/doc/KichbanBDKH_KBBDKH_2016.pdf)



**2.2. Thông tin về dân số, kinh tế xã hội cơ bản**

a) Dân số: Toàn xã có 3.512 hộ, với 15.339 nhân khẩu, được phân bố theo bảng sau:

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Hải Ninh	980	58	76	3423	1.315	2108
2	Vĩnh An	535	45	53	1.930	779	1.151
3	Vĩnh Trà	460	38	38	1.688	433	1.245
4	Phước Thành	338	38	20	1.792		
5	Trung An	1.199	123	45	5.310	3.964	3.138
	<b>Tổng</b>	<b>3.512</b>	<b>302</b>	<b>232</b>	<b>14.143</b>	<b>6.501</b>	<b>7.642</b>

**Nhóm đối tượng thương**

TT	Tên thôn	Dân số (người)	Tổng số	Lao động (người)		Lao động qua đào tạo nghề
				Trong đó		
				Nông nghiệp	Phi nông nghiệp	
1	Trung An	6.668	4.081	2244	1.837	1.428
2	Vĩnh An	2.306	1.411	776	635	494
3	Vĩnh Trà	2.139	1.309	720	589	458
4	Hải Ninh	4.226	2.586	1.422	1.164	905
	<b>Tổng cộng</b>	<b>15.339</b>	<b>9.387</b>	<b>5.162</b>	<b>4.225</b>	<b>3.285</b>

**b) Về kinh tế**

Tổng giá trị sản xuất năm 2017 đạt 299,7t yđồng; tốc độ tăng giá trị sản xuất 15,8%; trong đó, giá trị sản xuất ngành nông - lâm - ngư nghiệp đạt 130,28 t yđồng; ngành công nghiệp - TTCN đạt 22,38 t yđồng; ngành thương mại - dịch vụ đạt 147 t yđồng.

**\* Sản xuất nông – lâm – ngư nghiệp**

**- Sản xuất nông nghiệp**

+ Trồng trọt: Trồng cây lương thực và cây rau màu như: Lúa, ngô, đậu phộng, mè, tỏi, ớt và dưa; tổng giá trị sản xuất đạt 30,44 tỷ đồng.

+ Chăn nuôi: Tổng đàn trâu 90 con; tổng đàn bò có 2.000 con (trong đó có 1.120 con bò lai); đàn heo có 3650 con; đàn dê 79 con; đàn gia cầm 79.000 con. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 534,6 tấn. Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đạt 534,6 tấn, giá trị sản lượng 67thịt hơi xuất chuồng đạt 28,39 tỷ đồng.

- **Lâm nghiệp:** Nhân dân tiếp tục duy trì công tác trồng và chăm sóc cây phân tán khoảng 4.000 cây. Chăm sóc, khai thác rừng trồng đảm bảo độ che phủ của rừng, khai thác 400m<sup>3</sup> gỗ, giá trị khai thác 510 triệu đồng.

- **Thu thủy sản:** Sản lượng tàu thuyền 112 chiếc, công suất 11.720 CV; sản lượng đánh bắt đạt 1.245 tấn; giá trị sản lượng đạt 43,58 tỷ đồng.

Có 33 hộ dân nuôi cá lồng thả trên sông Trà Bồng diện tích 9.796m<sup>2</sup>; 09 hộ nuôi tôm thẻ chân trắng, diện tích 56.500m<sup>2</sup>; sản lượng thu hoạch đạt 235 tấn, giá trị sản lượng đạt 27,36 tỷ đồng.

Khai thác thủy sản và nuôi trồng thủy sản thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, gây thiệt hại lớn về kinh tế.

**\* Sản xuất Công nghiệp- TTCN; Thương mại dịch vụ- Xây dựng:**

- Công nghiệp - TTCN: Sản xuất CN-TTCN tăng trưởng ổn định. Giá trị CN-TTCN đạt 22.385,6 triệu đồng

- Thương mại - dịch vụ: Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ đạt 147.003,8 triệu đồng; các dịch vụ ăn uống và buôn bán hàng ngày càng phát triển.

**c) Văn hóa**

- Xã có thôn Vĩnh An được công nhận thôn văn hóa trong 05 năm liền; thôn Hải Ninh công nhận 03 năm liền.

- Hộ gia đình văn hóa: Năm 2017, có 2.911 hộ gia đình đạt chuẩn gia đình văn hóa, đạt 88,34%.

**d) Giáo dục**

- Xã được công nhận phổ cập Trung học cơ sở theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) đạt 90%/tổng số học sinh trong độ tuổi.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề chiếm 39%.

**e) Y tế**

- Trạm y tế xã có 8 cán bộ chuyên môn gồm: 1 bác sĩ, 4 y sĩ, 1 dược sĩ trung học, 1 điều dưỡng đại học, 1 nhân viên y học. Công tác y tế luôn hoàn thành tốt các chỉ tiêu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cho nhân dân.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế đạt 100%.

**2.3. Tóm tắt những rủi ro thiên tai đặc thù nhất của xã**

Do vị trí xã nằm ven sông Trà Bồng và sát biển Đông nên thường hay chịu tác động bởi thiên tai như: bão, lũ lụt, sạt lở, lốc xoáy... Mặt khác, hàng loạt kỹ thuật phục vụ công tác phòng chống, giảm nhẹ thiên tai chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên thường gặp rủi ro do thiên tai gây ra làm thiệt hại về người, tài sản, gián đoạn về kinh tế, xã hội.

**II-KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BDKH**

**A-THÔNG TIN CƠ BẢN**

**1. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:**

TT	Hoạt động sản xuất, kinh doanh	Diện tích/Quy mô	% hộ tham gia	Thu nhập trung bình (người/năm)
----	--------------------------------	------------------	---------------	---------------------------------

1	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu - Cây công nghiệp	155 ha  205,15 ha  241 ha	1498/3512; chiếm 42,6%	15 triệu đồng
2	Sản xuất lâm nghiệp	Trồng phân tán khoảng 4000 cây/4 ha/năm khoảng 40000 cây/4ha	198/3512; chiếm 5,63%	25 triệu đồng/năm
3	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp	Khoảng 219 cơ sở	6,23%	50 triệu đồng
4	Buôn bán nhỏ và tiểu thương	Khoảng 407 cơ sở	11,58%	35 triệu đồng
5	Nuôi trồng thủy sản	Khoảng 74 hộ	2,1%	50 triệu đồng
6	Dịch vụ	Khoảng 165 cơ sở	4,7%	35 triệu đồng
7	Nghề khác	Khoảng 954 hộ	27,16%	20 triệu đồng

**\* Nhận xét**

- Sản xuất nông nghiệp (trồng lúa, hoa màu, cây công nghiệp) chiếm 42,6% tỉ lệ hộ dân trong toàn xã, thu hút c ần am và n ữ đều tham gia. Tuy nhiên kinh tế nông nghiệp phát triển chưa ổn định, giá trị thương mại của nông sản hàng hoá thấp, sản phẩm còn lại sau sử dụng đều là sản phẩm thô, chưa qua chế biến, tiêu thụ ợc trên thị trường qua tư thương, giá c ần bấp bênh, tác động bất lợi đối với việc tái đầu tư phát triển sản xuất.

- Tiểu thương và buôn bán nhỏ chiếm tỉ lệ thấp (11,6%) nhưng d ể tạo thu nhập, và đa ặc biệt ngành này đa phần là nữ tham gia và phụ nữ cũng là người chịu nhiều áp lực tâm lý s ợ hờn hàng hóa, l ỡ vốn khi có thiên tai xảy ra.

- Sản xuất Tiểu thủ công nghiệp, nuôi trồng và đánh bắt thủy sản phát triển, thu nhập tương đối cao, hầu hết là nam giới tham gia nên khi thiên tai xảy ra nam giới thường phải chịu rủi ro cao; áp lực tâm lý do phải lao động kiếm tiền nuôi sống gia đình; tâm lý lo lắng cho gia đình, v ợ con khi có thiên tai xảy ra. Bên cạnh đó, người phụ nữ thường phải chịu tổn thương v ề tâm lý, tinh thần, đặc biệt là khi nam giới gặp rủi ro khi tham gia đánh bắt trên biển.

**2. Hạ tầng cơ sở**

:Commented [1]

Thêm thông tin, trung bình hộ và hộ nghèo số hữu bao nhiêu đất canh tác. Cụ thể hộ dân nghèo bao nhiêu % lương thực tiêu thụ, bao nhiêu % bán để tiêu dùng.

T T	Cơ sở/hạng	Năm xây dựng/s ử dụng	Số lượng/chất lượng
1	Điện dẫn dụng	Năm 2000 h ệ thống điện lưới quốc gia v ề đến các thôn	<p>Có 4 trạm biến áp do địa phương quản lý, 9 trạm biến áp do điện lực Bình Sơn quản lý, 5.890m đường dây h ạch ế được đưa vào s ử dụng có hiệu quả.</p> <p>Tuy nhiên các nhánh r ẽ đường dây vào nhà dân còn chằng chịt, tr ụ điện ch ữa chưa đảm bảo an toàn.</p>
2	Đường giao thông	<p>* Đường xã xây dựng năm 2007, năm 2010, đạt 97,63%</p> <p>* Đường thôn được đầu tư xây dựng t ừ năm 2006 đến nay.</p> <p>* Đường ngõ xóm:</p> <p>* Đường trục chính nội đồng</p>	<p>Có 02 tuyến, tổng chiều dài 6.325m, đã nhựa hóa 6.175/6.325, hiện nay đã xuống cấp và hư hỏng nặng đoạn đường t ừ Ngã cầu suối thôn Vinh An đến Ngã tư ch ợ Hải Ninh, dài 680m cần được đầu tư mới.</p> <p>Có 18 tuyến, tổng chiều dài 15.899m; đã bê tông hóa 7.942m.</p> <p>Có 30 tuyến, tổng chiều dài 13.130m; đã cứng hóa 22,97%.</p> <p>Có tổng chiều dài 9,9 km, rộng 1-3 m,</p> <p>Là đường đất, chưa được bê tông, cứng hóa, không thuận lợi cho việc vận chuyển vật tư, hàng hóa phục v ụ sản xuất.</p>

3	<p>Trường học các cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cấp I</li> <li>- Cấp II</li> <li>- Cấp III</li> </ul>	<p>* Trường Tiểu học: có 02 trường.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường tiểu học số 01: Có 2 cụm trường, chưa đạt chuẩn quốc gia.</li> <li>+ Cụm chính: Tại KDC Long Thành thôn Trung An.</li> <li>+ Cụm phụ: Tại KDC Phước An thôn Trung An</li> <li>- Trường tiểu học số 02: Có 2 cụm trường, trường đã đạt chuẩn quốc gia</li> <li>+ Cụm phụ: Tại thôn Vĩnh Trà</li> <li>+ Cụm chính: Tại thôn Vĩnh An</li> <li>- Trường Trung học cơ sở: Chưa đạt chuẩn quốc gia.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhu cầu cần xây mới 04 phòng chức năng và 08 phòng học tại Cụm chính tại KDC Long Thành để đáp ứng nhu cầu số lượng học sinh tăng lên hằng năm</li> <li>- Nhu cầu cần xây mới 06 phòng chức năng và 08 phòng học, 300 mét tường rào+cổng ngõ tại cụm chính ở thôn Vĩnh An để đáp ứng nhu cầu số lượng học sinh tăng lên hằng năm</li> <li>- 12 phòng xuống cấp; 1 thư viện; chưa có phòng chức năng, tường rào cổng ngõ và công trình vệ sinh cho học sinh và giáo viên hiện đã xuống cấp, cần được xây mới.</li> </ul>
4	<p>Nhà trẻ, Mẫu giáo</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường mầm non (mẫu giáo): Chưa đạt chuẩn quốc gia. Toàn xã có 06 điểm trường mẫu giáo với 11 phòng học, 2 nhà ăn; tổng số học sinh 337 cháu.</li> </ul>	<p>Nhu cầu cần đầu tư xây mới 02 phòng kiên cố tại Trường mẫu giáo Vĩnh Trà vì các phòng học hiện đã xuống cấp và không đáp ứng nhu cầu học bán trú của con em thuộc hộ tái định cư.</p>
5	<p>Trạm y tế</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế xã được đầu tư khang trang (nhà 02 tầng) từ nguồn vốn hỗ trợ của Tập đoàn khí năm 2011 và đạt chuẩn y tế quốc gia từ năm 2012 đến nay.</li> </ul>	<p>Trạm y tế xã có 8 cán bộ chuyên môn gồm: 1 bác sĩ, 4 y sĩ, 1 dược sĩ trung học, 1 điều dưỡng đại học, 1 nữ hộ sinh.</p>



6	Công sở Trụ sở UBND xã	* Trụ sở làm việc UBND xã (nhà 02 tầng) được đầu tư xây dựng năm 2009 tại thôn Vĩnh An, diện tích đất sử dụng 8000 m <sup>2</sup> ; diện tích xây dựng 449 m <sup>2</sup> ; gồm: 02 hội trường, 28 phòng làm việc.	Chất lượng công trình tốt.
7	Nhà văn hóa xã	Đã được xây dựng trong khuôn viên UBND xã với diện tích đất sử dụng 3.640 m <sup>2</sup> ; diện tích xây dựng 360 m <sup>2</sup> (nhà 02 tầng).	Hội trường có 300 chỗ ngồi, có 07 phòng nhưng chưa có thiết bị chức năng, nhạc cụ, phục trang chuyên dùng hoạt động văn nghệ, thiết bị thông gió, tủ, giá sách.
8	Khu thể thao trung tâm	- Được Tập đoàn dầu khí Việt Nam hỗ trợ đầu tư xây dựng mới vào năm 2010, có diện tích 11.585 m <sup>2</sup> . - Ngoài ra có 01 sân vận động tại thôn Vĩnh An với diện tích 11.427 m <sup>2</sup> , nhân dân thường xuyên sinh hoạt thể dục thể thao tại đây.	Chưa có nhà thi đấu đa năng, cần đầu tư thêm các trang thiết bị phục vụ nhu cầu thể thao cho nhân dân trên địa bàn xã.  Cần nâng cấp sân thể thao hiện có của xã tại thôn Vĩnh An; Bổ trí đầy đủ các phân khu chức năng như: đài truyền thanh, sân bóng đá ngoài trời, sân bóng chuyền, cầu lông, ...
9	Nhà Văn hóa thôn	Có 04 nhà văn hóa thôn Vĩnh An, Vĩnh Trà, Hải Ninh, Trung An được xây hoàn thành năm 2015	Được xây dựng kiên cố để làm nơi trú bão cho nhân dân.



Trung An	1199						
Phước Thành	338	1325	1195		130	893	108
Vĩnh An	535			535		540	21
Vĩnh Trà	460			460		482	11
Hải Ninh	980	188		792		759	57
<b>Tổng cộng:</b>	<b>3.512</b>	<b>1.513</b>	<b>1.195</b>	<b>1.787</b>	<b>130</b>	<b>2.674</b>	<b>197</b>

#### 5. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai/BĐKH)

Loại dịch bệnh liên quan đến người						
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam	Người	NKT	Người bị bệnh hiểm
Cholera	0	0	0	0	0	0
Điệt bệnh	20	24	10	7		

#### 6. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

Trước đây, xã Bình Thạnh là xã cũng được đầu tư trồng rừng ngập mặn, nhưng do quá trình quản lý, sử dụng rừng tại cộng đồng không tốt, người dân chưa thấy được lợi ích của rừng ngập mặn nên đã tự phá rừng để lấy đất nuôi trồng thủy sản. Đến năm 2015, xã đã công bố không còn rừng ngập mặn.

#### 7. Công tác phòng, chống thiên tai:

Công tác phòng chống thiên tai tại địa phương luôn được Đảng ủy, UBND xã quan tâm chỉ đạo và thường xuyên thực hiện, do đó trong những năm qua công tác ứng phó và chuẩn bị các điều kiện, năng lực để ứng phó trong công tác phòng chống thiên tai đạt kết quả và hạn chế đến mức thấp nhất về thiệt hại và các rủi ro xảy ra.

Ban Chỉ huy PCTT đã được thành lập gồm có 31 thành viên và có kiện toàn hàng năm; ngoài ra, xã Bình Thạnh còn các lực lượng PCTT & TKCHCN như: Dân quân tự vệ (105 thành viên), Đội thanh niên xung kích (11 thành viên, trong đó có 1 làm Đội trưởng), Trung đội xung kích (15 thành viên)...Ban Chỉ huy PCTT xã đã xây dựng kế hoạch PCTT và triển khai phương án PCTT hàng năm.

Các thôn xóm thành lập tổ PCTT có 8-10 người (có nòng cốt tham gia); chính quyền địa phương đã chỉ đạo trong công tác tuyên truyền đến người dân trong xã thông qua hệ thống truyền thanh cũng như trong các hội nghị, các cuộc họp dân; nghiêm túc thực hiện việc đánh giá thiệt hại, đánh

giá nhu cầu và rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác PCTT &TKCN, đồng thời có biện pháp khắc phục, báo cáo cấp trên kịp thời theo quy định.

**8. Sự phối hợp giữa các tổ chức đoàn thể trong phòng, chống thiên tai:**

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành, các cấp tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm pháp luật về PCTT&TKCN và tích cực tham gia công tác PCTT&TKCN - giảm nhẹ thiên tai.
- UBMTTQVN xã chỉ đạo Ban công tác mặt trận thôn phối hợp trưởng thôn, trưởng các khu dân cư tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành công tác phòng chống thiên tai và khắc phục hậu quả thiên tai. Tiếp nhận và phân phối hàng cứu trợ khắc phục hậu quả thiên tai. Kiểm tra, giám sát việc phân phối hàng hóa cứu trợ.
- Các Hội đoàn thể (nhất là lực lượng Đoàn TNCSHCM) thường xuyên phối hợp và thực hiện tốt công tác PCTT-TKCN và khắc phục hậu quả thiên tai gây ra. Vận động hội viên, đoàn viên tham gia vào công tác phòng, chống thiên tai; các chi hội, tổ trưởng tham gia trực tiếp vào việc kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại tài sản của nhân dân để làm cơ sở cho việc hỗ trợ chi phí khắc phục, hàng cứu trợ.
- Kế hoạch phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn: Hàng năm, xã đều đánh giá công tác phòng chống thiên tai của năm trước và xây dựng kế hoạch phòng chống thiên tai trong năm sát với tình hình thực tế của địa phương; đánh giá chặt chẽ nguyên nhân cũng như năng lực phòng chống thiên tai.

**10. Cơ sở vật chất và trang thiết bị phòng, chống thiên tai:**

- Phương tiện, thiết bị:

STT	Lực lượng tại chỗ	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng	Người quản lý (Họ và tên, chức vụ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Phương tiện, trang thiết bị đã có</b>					
1	Nhà bạt	Cái	2	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
2	Phao cứu sinh	Cái	82	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Huyện và Hội CTĐ địa phương cấp
3	Xuồng máy, xuồng chèo	Chiếc	2	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
4	Áo phao	Cái	38	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Huyện và Hội CTĐ địa phương cấp
5	Mũ bảo hộ lao động	Cái	14	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
6	Áo chũm đọt	Cái	18	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
7	Máy phát điện	Cái	1	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chi huy trưởng BCH quân sự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp

8	Tấm bạc nhựa	Tấm	2	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
9	Ứng đi mưa	Đôi	20	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
10	Cửa máy nhỏ	Cái	1	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
11	Dây nilông	m	600	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
12	Tấm bạc chống mưa	Tấm	6	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Hội CTĐ tỉnh cấp
<b>Phương tiện, trang thiết bị mua sắm mới</b>						
1	Cuốc, xẻng	Cái	20	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Mua sắm mới
2	Bạt chống mưa	Tấm	10	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Mua sắm mới
3	Bao xi ment	Bao	3000	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Mua sắm mới
4	Áo mưa	Bộ	30	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Mua sắm mới
5	Loa phóng thanh cầm tay (bao gồm pin)	Cái	4	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Mua sắm mới
6	Đèn pin	Cái	20	Kho cất gi ùUBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, ch i huy trưởng BCH quân s ự xã	Mua sắm mới
7	Tàu cứu nạn, cứu hộ trên sông	Chiếc	2	Bến cá Đồng Thành 1, thôn Hải Ninh	Ông Phạm Duy Lân, chủ tàu cá QNg 90083, 120CV; QNg 90694, 230CV	Hợp đồng với chủ tàu
8	Xe Chiến Thắng	Chiếc	3	Thôn Vĩnh Trà 01 chiếc; thôn Vĩnh An 01 chiếc; thôn Trung An 01 chiếc	Ông Lê Văn Sứy, bà Đặng Thị Yến và ông Nguyễn Duy Lâm, chủ xe	Hợp đồng với chủ xe
9	Xe khách Việt Thành (36 ch ngồi)	Chiếc	2	Ngã tư Thiên Đàng, thôn Trung An, 01 chiếc; Ngã tư ch ợ Hải Ninh 01 chiếc.	Ông Bùi Văn Tiên, chủ xe	Hợp đồng với chủ xe

10	Xe dầu kéo (vận tải nhỏ)	Chiếc	3	Thôn Hải Ninh 02 chiếc; Thôn Vĩnh An 01 chiếc	Ông Nguyễn Trường Minh, Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Văn Hùng, chủ xe	Hợp đồng với chủ xe
<b>II</b>	<b>Vật tư, vật liệu</b>					
1	Xăng	Lít	20	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chủ tịch trưởng BCH xã	Hợp đồng đơn vị cung cấp
2	Dầu	Lít	50	Kho cất giữ UBND xã Bình Thạnh	Nguyễn Sen, chủ tịch trưởng BCH xã	Hợp đồng đơn vị cung cấp

**- Nhu yếu phẩm**

STT	Loại	Đơn vị tính	Số lượng	Nơi tập kết, cung ứng	Người quản lý (Họ và tên, chức vụ)	Ghi chú
1	Tiền	triệu đồng	50	UBND xã Bình Thạnh	Đỗ Văn Lập, chủ tịch UBND xã; Trần Thị Ngọc - kế toán trưởng	Kinh phí xây dựng hàng năm
2	Gạo	Kg	1000	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Ngọc, kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
3	Mì tôm	Thùng	200	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Ngọc, kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
4	Nước uống (thùng 24 chai)	Thùng	200	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Ngọc, kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp
5	Nước uống (bình 21 lít)	Bình	100	Lưu kho tại đơn vị cung cấp	Trần Thị Ngọc, kế toán trưởng	Hợp đồng cung cấp

Trang thiết bị, phương tiện phòng chống thiên tai được tập kết tại kho lưu của UBND xã, nhu yếu phẩm được BCH PCTT xã ký hợp đồng lưu kho tại nhà buôn; khi có thông tin về thiên tai, Ban chỉ huy chỉ huy cho cán bộ phân bổ phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cần thiết về các địa bàn thôn, đặc biệt các vùng xung yếu, trọng điểm cần thiết chuẩn bị ứng phó với thiên tai.

**11. Công trình phòng, chống thiên tai (đê, kè, âu thuyền, biển báo...):**

Trên địa bàn xã chưa có công trình phòng chống thiên tai như Kè chống sạt lở, nhà trú ẩn đa năng,... trong khi đó ven sông Trà Bồng đang rất cần có Kè chống sạt lở. Chỉ trưng dụng được 02 tàu có công suất trên 9CV thực hiện việc cứu nạn cứu hộ trên sông. Ngoài ra còn trưng dụng các công trình công cộng, nhà nghỉ, khách sạn trên địa bàn làm nơi trú ẩn an toàn cho nhân dân khi có lệnh di dời, sơ tán để tránh trú bão.

## B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI/BĐKH, TÌNH TRẠNG ĐỀ BỊ TỒN THƯƠNG, NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ NHẬN THỨC VỀ ERRTT CỦA NGƯỜI DÂN

### 1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương



#### Nhận xét chung:

Bình Thạnh nằm ở vùng sát biển Đông và có sông Trà Bông chạy qua; hàng năm đều có lũ thượng nguồn chảy về và triều cường từ ngoài biển dâng; khi có bão kèm theo mưa to cộng hưởng với triều cường, các hộ dân xóm Đông Thành 1, Đông Thành 2, thôn Hải Ninh và những hộ dân xóm Núi và xóm Cầu, thôn Vĩnh An nằm ở ven sông Trà Bông có nguy cơ dễ bị sạt lở; nhưng vì mưu sinh cuộc sống (làm nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản) nên họ không chấp di dời tái định cư. Vì vậy, khi thiên tai xảy thì gây thiệt hại nặng về người, nhà cửa, tài sản của người dân. Các khu dân cư tại các thôn Trung An, Phước Thành, phần lớn diện tích đất canh tác bị ngập úng hoàn toàn gây thiệt lớn về lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy, gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó những năm gần đây do tác động của biến đổi khí hậu tình hình thiên tai ngày càng diễn biến phức tạp khó lường gây ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân.

\* **Lũ:** Theo nhận định của nhân dân địa phương những năm gần đây lũ ngày càng gia tăng, mực nước dâng lên nhanh, đột ngột; nước rút chậm. Điển hình trận lũ ngày 6/11/2017 mưa lớn kéo dài nước từ thượng nguồn sông Trà Bông đổ về, cộng với triều cường nước dâng cao đột ngột, gây ngập 2/3 diện tích trên địa bàn toàn xã, mực nước lên cao từ 2-3 mét; làm bị thương nặng 03 người (02 phụ nữ, thuộc diện hộ nghèo); hư hỏng nặng hoàn toàn 06 ngôi nhà tại thôn Bình An Nội, số nhà bị ngập 2/3 số ở trên địa bàn toàn xã. 100% diện tích lúa, hoa màu,

:Commented [3]

Thêm một phân tích về sự khác biệt với phụ nữ VD. Sức khỏe? tiếp nhận thông tin? Năng lực ứng phó?

nuôi trồng thủy sản bị chìm sâu trong nước; tài sản người dân, các cơ quan đều bị thiệt hại. Hệ thống giao thông bị chia cắt hoàn toàn; 30% gia súc gia cầm bị chết; dịch bệnh xảy ra; thiếu nước sinh hoạt; ô nhiễm môi trường...

Nguyên nhân là do đê bao chưa khép kín, chuồng trại tạm bợ, thanh niên đi làm ăn xa thiếu nhân lực, người dân còn chần chừ không đi dời kịp; chưa có kinh nghiệm trong công tác phòng chống; thiếu các phương tiện tuyên truyền...

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã tìm ra một số giải pháp nhằm ứng phó với lũ, lụt như: Tiếp tục di dời những hộ có nguy cơ rủi ro cao vào nơi sơ tán an toàn, vận động vật tư, sửa chữa, xây mới lại nhà ở; sửa chữa chuồng chăn nuôi; các hộ nuôi trồng thủy sản vận động hỗ trợ lượng thực, thực phẩm, nước sạch; thu gom rác, xác động vật, xử lý môi trường sau lụt.

**\* Bão, lụt:** Có gió mạnh kèm theo mưa lớn, nước dâng cao kéo dài, xu hướng ngày càng mạnh khó dự báo, không dự đoán được đường đi, không theo quy luật. Tháng 9 năm 2009, bão xảy ra trên địa bàn toàn xã đã làm chết 04 người (03 nữ, 01 nam) do bất cẩn, chần chừ quay về lấy đồ đạc; Nhà bị trôi, sập hoàn toàn: 28 cái; tốc mái, hư hỏng nặng: 2.600 ngôi nhà, vật dụng tài sản các hộ gia đình có nhà bị sập, tốc mái hư hỏng khoảng 60%. 100% diện tích lúa hoa màu, nuôi trồng hải sản bị ngập, bị hư hỏng hoàn toàn; 70% gia súc, gia cầm bị chết; trôi 40 chiếc tàu, thuyền và 26 thùng của ngư dân; giao thông chia cắt hoàn toàn, tình trạng dịch bệnh, thiếu nước sinh hoạt, ô nhiễm môi trường đã xảy ra.

Nguyên nhân là do nhà tạm bợ, 80% nhà lợp mái tôn, nằm ven sông, diện tích đất trồng lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản nằm trong vùng trũng, thấp, người dân nhận thức về bão, lụt còn hạn chế, các phương tiện tuyên truyền, các thông tin tuyên truyền chưa đến được với người dân. Người dân chần chừ không có kinh nghiệm trong phòng tránh, chưa chú ý đến gia cố chèn chống nhà cửa, chưa chú ý di dời, sơ tán...

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã chỉ đạo lực lượng xung kích, Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã ứng phó với bão như bố trí người đi sơ tán khi xảy ra bão; chuẩn bị lương thực, thực phẩm; tổ chức cứu hộ, cứu nạn, chăm sóc sức khỏe, vệ sinh môi trường, hỗ trợ vật tư cho các hộ bị thiệt hại. Khắc phục hậu quả thiên tai; giúp các hộ bị thiệt hại sửa chữa lại nhà cửa, sớm ổn định lại cuộc sống; củng cố hệ thống loa đài truyền thanh và đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân về phòng chống thiên tai.

**\* Lốc xoáy:** Gió giật mạnh, xu hướng ngày càng tăng; xảy ra hàng năm không theo quy luật. Trận lốc xoáy lịch sử vào ngày 28 tháng 12 năm 1991 xảy ra trên địa bàn đã làm chết 78 người, 20 người bị thương (có 20 gia đình có từ 2 người chết trở lên, trong đó có 1 gia đình có 7 người chết), 100% lực lượng lao động nam tham gia đánh bắt; tàu thuyền bị chìm 8 chiếc, hư hỏng nặng 14 chiếc.

Nguyên nhân là do xảy ra bất ngờ, không dự báo, cảnh báo được, thiếu các phương tiện cứu hộ, người dân thiếu thông tin thời tiết và chưa có kinh nghiệm ứng phó, còn chần chừ với những cơn lốc xoáy.

Trước tình hình trên, chính quyền, địa phương đã tìm ra một số cách ứng phó khi lốc xoáy xảy ra như: giúp đỡ nhau khắc phục hậu quả, sửa chữa lại tàu thuyền, thăm hỏi, động viên các hộ gia đình có người chết và thiệt hại về tài sản vượt qua khó khăn, ổn định cuộc sống; các đoàn thể như MTTQ, Hội phụ nữ động viên chị em phụ nữ ổn định tâm lý, tinh thần sau sự mất mát, thiệt hại do lốc xoáy.

Lịch sử thiên tai (Bảng 2.1)

Thời gian xảy ra	Loại hình thiên tai	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai	Khu vực (địa điểm bị thiệt hại)	Những thiệt hại, mức độ thiệt hại (an toàn cộng đồng, SXKD, VSMT)	Nguyên nhân bị thiệt hại (VC, TCXH, thái độ động cơ)	Đã làm gì để PCTT (hộ gia đình, các tổ chức,...)



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----

<p>Tháng 7.2017</p>	<p>Bão, lụt</p>	<p>- Gió mạnh, mưa lớn, nước dâng cao kéo dài</p> <p>- Xây ra ngày càng nhiều, khó d ự đoán, thường xảy ra vào ban đêm, không theo quy luật</p>		<p><b>ATCĐ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 15 ngôi nhà bán kiến c ố b ị tốc mái; 277 h ộ b ị ngập ở vùng trũng ven sông;</li> <li>- 15% tr ụ diện b ị ngã đổ;</li> <li>- 1,5 km đường giao thông nông thôn b ị ngập và sạt l ở vùng ven sông;</li> <li>- Trường Mẫu giáo Hải Ninh b ị tốc mái, Trường Tiểu học s ố 2 cụm Vĩnh An b ị ngập.</li> </ul>	<p><b>ATCĐ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà tạm b ị, nằm ở ven sông, vùng trũng, gần cửa biển.</li> <li>- Nhà chưa chèn chống, ý thức người dân còn ch ịu nạn.</li> <li>- Tr ụ diện thấp sáng tại các khu vực dân cư còn tạm b ị chưa được bê tông</li> <li>- Một s ố tuyến đường giao thông nông thôn chưa kiên c ố hoặc chưa cứng hóa.</li> <li>- Mái lợp chưa kiên c ố, nền móng thấp, nằm ở vùng trũng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đưa người đi sơ tán</li> <li>- Chuẩn b ị lương thực, thực phẩm</li> <li>- Chằng chống nhà cửa;</li> <li>- Gia c ố các tr ụ diện đảm bảo k ỹ thuật;</li> <li>- Vận động người dân đóng góp kinh phí cùng nhà nước đ ể bê tông hóa;</li> <li>- Vận động kinh phí t ừ các nguồn (nhà nước, dân đóng góp và huy động khác) đ ể đầu tư xây dựng;</li> <li>- Có k ế hoạch di dời các h ộ dân sống ven sông, khu vực cửa biển đến nơi tái định cư an toàn; tái định cư an toàn;</li> <li>- Đ ề ngh ị đơn v ị thi công có k ế hoạch khai thông dòng chảy trước mùa mưa bão,</li> <li>- Chính quyền phải có điề m quy hoạch bến neo đậu tàu thuyền cho ngư dân;</li> <li>- Quy hoạch đất trồng rừng phù hợp với qu ỹ đất tại địa phương nhằm chắn gió, chắn sóng, hạn ch ế gây thiệt hại v ề người và tài sản;</li> </ul>
---------------------	-----------------	---	--	---	---	---

			<p><b>SXKD:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 60% hàng hóa của người dân buôn bán nh òb ìngập nước gây thiệt hại tài sản;</li> <li>- 100% diện tích hoa màu: Lúa, ngô, đậu phụng đưa các loại ... b ìthiệt hại;</li> <li>- 50% diện tích rừng phi lao b ìngã ò;</li> <li>- 70% gia súc, gia cầm b ì chết;</li> <li>-100% diện tích ao, h ònuôi trồng thủy sản b ìsạc lở, mất trắng;</li> <li>- Một s òtàu thuyền của ngư dân b ìva òáp khi neo òâu, ngư lưới c ùb ìtrôi;</li> </ul>	<p><b>SXKD</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân sống òvùng trũng, ven sông, sống cạnh khu vực cửa biển;</li> <li>- H òthống thoát nước chưa òảm bảo, một s òđ òán òang thi công trên òịa bàn làm òng òng chảy;</li> <li>- Diện tích phi lao ch ùyếu trồng òọc ven biển, không theo quy hoạch, mật ò òkhông òảm bảo,</li> <li>- Chuòng trại nằm trong vùng trũng, vùng ò òề òlạc lở; xây òựng không òảm bảo;</li> <li>- Diện tích nuôi trồng thủy sản ch ùyếu nằm òven sông, khu vực cửa biển;</li> <li>- K òy thuật nuôi trồng chưa òảm bảo</li> <li>- Chưa có bến neo òâu, tiếp cận các thông tin liên lạc chưa kịp thời.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khuyến cáo các h òđàn hạn ch òéi việc xây chuòng tại trong vùng trũng, ven sông;</li> <li>- H òướng òẫn các h òđàn khai thác trước mùa mưa bão;</li> <li>- Tuyên truyền, tập huấn cho các h òđàn v òềnuôi trồng thủy sản;</li> <li>- Tuyên truyền cho ngư dân trang b ìcác thiết b ìthông tin liên lạc theo òối thời tiết khi ra khơi;</li> <li>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân v òềPCTT</li> </ul>
--	--	--	--	---	--

				<p><b>SKVSM:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Dịch bệnh xảy ra</li> <li>- Thiếu nước sinh hoạt</li> <li>- Ô nhiễm môi trường</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa x ử lý nguồn nước kịp thời sau bão, lũ;</li> <li>- Cúp điện kéo dài, nguồn mạch nước ngầm bị ô nhiễm;</li> <li>- Do rác thải kèm theo bùn đất từ thượng nguồn đổ về cộng với xác chết của các loại động thực vật đang trong giai đoạn phân hủy</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>X ử lý, thu gom rác thải sau bão kịp thời;</li> <li>- Dùng thuốc kh ử khuẩn kh ử lý nguồn nước bị ô nhiễm;</li> <li>- Khắc phục điện kịp thời để người dân có nguồn nước sinh hoạt.</li> </ul>
--	--	--	--	---	---	---

<p>Tháng 9/2009</p>	<p>Bão, lụt</p>	<p>- Gió mạnh, mưa lớn, nước dâng cao kéo dài</p> <p>- Xây ra ngày càng nhiều, khó d ự đoán, thường xảy ra vào ban đêm, không theo quy luật</p>		<p><b>ATCD:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 4 người chết, 9 người bị thương</li> <li>- 102 nhà bị trôi, sập hoàn toàn</li> <li>- 2.600 nhà bị tốc mái, hư hỏng, nhiều nhà vùng trũng thấp bị ngập sâu.</li> <li>- 42 chiếc tàu thuyền và 26 chiếc thúng bị trôi, chìm.</li> <li>- 50% tr ụ điện bị ngã đổ;</li> <li>- 20% đường giao thông nông thôn bị ngập và sạt l ở vùng ven sông;</li> <li>- các Trường học bị tốc mái, bị ngập và hư hỏng.</li> <li>- Trạm Y t ế bị ngập sâu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà tạm b ị, thiếu kiên cố, thiếu vốn xây dựng nhà, thiếu kiến thức, k ỹ thuật xây nhà.</li> <li>- Tr ụ điện vào đến các h ộ dân còn thô sơ, chưa đ ược bê tông.</li> <li>- Chưa cứng hóa đường giao thông nông thôn.</li> <li>- Ch ứ quan, không ch ằng ch ằng nhà cửa, một số h ộ dân thiếu nhân lực ch ằng ch ằng nhà cửa.</li> <li>- Có Đ ội PCLB nhưng chưa tham gia nhiệt t ình.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đ ưa người</li> <li>- Chuẩn bị lương thực, thực phẩm, thuốc men</li> <li>- Ch ằng ch ằng nhà cửa;</li> <li>- Gia c ố các tr ụ điện đảm bảo k ỹ thuật;</li> <li>- Vận động người dân đóng góp kinh phí cùng nhà nước đ ể bê tông hóa;</li> <li>- Cung c ố h ệ thống loa truyền thanh ph ụ khắp khu dân cư</li> <li>- Có k ế hoạch di dời các h ộ dân sống ven sông, khu vực cửa biển đến nơi tái định cư an toàn;</li> <li>- Đ ề nghị đơn v ị thi công có k ế hoạch khai thông dòng chảy trước mùa mưa bão,</li> <li>- Chính quyền phải có đi ểm quy hoạch bến neo đậu tàu thuyền cho ngư dân;</li> <li>- Quy hoạch đất trồng rừng phù hợp với qu ỹ đất tại địa phương nhằm chắn gió, chắn sóng, hạn ch ế gây thiệt hại v ề người và tài sản;</li> </ul>
---------------------	-----------------	---	--	--	--	--

			<p>SXKD:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 60% Vật tư, thiết bị dùng cụ, hàng hóa bị ngập nước gây hư hỏng;</li> <li>- 100% hoa màu bị thiệt hại</li> <li>- 2.907 thùng mắm trời, ngập nước hư hỏng</li> <li>- 15 ha rừng phi lao chắn gió bị ngã đổ</li> <li>- 70% gia súc, gia cầm bị chết;</li> <li>- 100% hộ nuôi trồng thủy hải sản bị sạt lở, mất trắng(400 con ba ba bị trôi.....)</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa quan trọng di dời hàng hóa đến nơi an toàn, cao ráo</li> <li>- Bão lớn bất ngờ, dự đoán sai</li> <li>- Hoa màu chưa đến kỳ thu hoạch</li> <li>- Nước dâng cao, gió lớn, thời gian xảy ra kéo dài</li> <li>- Chuồng trại nằm trong vùng trũng, vùng dễ bị lạt lở; xây dựng không đảm bảo;</li> <li>- Diện tích nuôi trồng thủy sản chủ yếu nằm ven sông, khu vực cửa biển;</li> <li>- Hộ nuôi trồng thủy, hải sản chưa được kiên cố;</li> <li>- Kỹ thuật nuôi trồng chưa đảm bảo.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ khẩn cấp, hỗ trợ phục hồi tái thiết.</li> <li>- Chính quyền địa phương hỗ trợ giống, phân bón</li> <li>- Hỗ trợ vay vốn để tái sản xuất.</li> <li>- Người dân cải tạo lại ao hồ, đất... để vào vụ mới</li> </ul>
			<p>SK, VSMT:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vấn đề sinh môi trường bị ô nhiễm nặng, dịch bệnh xảy ra</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác súc vật chết, rác, bùn trôi tấp vào khu dân cư</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ra quân dọn vệ sinh, xử lý nguồn nước.</li> <li>- Khám bệnh, cấp thuốc cho hộ nghèo.</li> <li>- Tuyên truyền sử dụng nước hợp vệ sinh</li> </ul>

## 2♦ Thông tin đánh giá về TTDBTT

Bảng tóm tắt các TTDBTT

Lĩnh vực	Khía cạnh	Tình trạng d ễ bị tổn thương
An toàn cộng đồng	Cơ sở vật chất	<p><b>*Vật chất.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở bán kiên cố: 3053</li> <li>- Nhà thiếu kiên cố: 159, đơn sơ 18 có nguy cơ cao khi bão xảy ra;</li> <li>- 74 nhà vùng sạt lở bờ biển (Hải Ninh) và ven sông (Vĩnh Trà) cần phải di dời.</li> <li>- 01 thôn (Phước Thành) chưa có nhà văn hóa thôn.</li> </ul>
		<p><b>- Hệ thống điện</b></p> <p>Các nhánh r ẽ đường dây vào nhà dân (Vĩnh An, Hải Ninh) còn chằng chịt, các trụ điện ch ữa chưa đảm bảo an toàn.</p>
		<p><b>- Đường giao thông</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 680m đường xã xuống cấp, hư hỏng nặng</li> <li>+ 7.957m đường giao thông nông thôn chưa được cứng hóa d ễ bị sạt lở, ách tắc giao thông.</li> <li>+ 10.115m đường xóm ngõ chưa được bê tông hóa.</li> <li>+ 9.900m đường trục chính nội đồng là đường đất.</li> <li>+ 02 cầu Suối (Vĩnh An) và cầu Sông Quyên (Hải Ninh) gần hết niên hạn sử dụng;</li> <li>- 05km đ ể bao sông Trà Bồng chưa được kiên cố hóa.</li> </ul>
		<p><b>- Trường học</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trường tiểu học số 2 (Cụm Vĩnh An) nằm vùng thấp d ễ bị ngập nước v ề mùa mưa;</li> <li>+ Trường tiểu học số 1 (Cụm Trng An) mái lợp chưa kiên cố, trường Mẫu giáo (Hải Ninh) thiếu kiên cố d ễ bị tốc mái, sập khi có bão.</li> </ul>
		<p><b>- Trạm Y tế:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Trạm nằm trong vùng thấp; sân trạm d ễ bị ngập nước trong mùa mưa.</li> <li>+ Cơ sở thuốc còn hạn chế, trang thiết bị vật tư y tế còn thiếu, chưa đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh so với tình hình hiện nay.</li> </ul>
		<p><b>- Hệ thống cảnh báo sớm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ 04 cụm loa b ị hư hỏng không sử dụng được;</li> <li>+ Không có biển báo, cột báo lũ tại khu vực nguy hiểm;</li> <li>+ 5% hộ dân không sử dụng phương tiện nghe nhìn;</li> <li>+ 10% hộ dân chưa sử dụng điện thoại;</li> <li>+ 70% hộ dân chưa tiếp cận dịch vụ Internet;</li> </ul>

	<p><b>- Phương tiện tại chỗ:</b> + 50% ngư dân tham gia đánh bắt hải sản không trang bị áo phao.</p>
Tổ chức xã hội	<p><b>*Tổ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ 10% tham gia Ban Chỉ huy PCTT thấp ( 1 người);</li> <li>- Phần lớn các thành viên của BCH PCTT chưa được tập huấn về kiến thức PCTT. Một số thành viên chưa quan tâm đúng mức.</li> <li>- Phần lớn thành viên đội TNKK chưa được tập huấn trang bị kiến thức PCTT, cứu hộ, cứu nạn, chưa được tham gia diễn tập.</li> <li>- Lực lượng PCTT ở các thôn chưa có chế độ; phương tiện cứu hộ chưa được trang bị đầy đủ.</li> <li>- Các thành viên của các lực lượng CH-CN thường xuyên thay đổi vì chuyển công tác.</li> <li>- Công tác truyền thông kiến thức PCTT còn hạn chế, chỉ tuyên truyền khi có thông báo diễn biến của thiên tai;</li> <li>- Việc triển khai phương án PCTT còn hạn chế;</li> <li>- Việc đơn đốc, nhắc nhở, kiểm tra, giám sát về PCTT chưa được thực hiện thường xuyên;</li> <li>- Nội dung tuyên truyền chưa đầy đủ, chưa thường xuyên.</li> <li>- Nguồn kinh phí phục vụ công tác PCTT còn hạn chế, chưa đáp ứng như cầu.</li> <li>- Công tác Thi đua – Khen thưởng các cá nhân, đơn vị có thành tích về PCTT không được thực hiện;</li> <li>- Chưa triển khai Luật PCTT đến cán bộ và nhân dân.</li> </ul>
Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 60% người dân còn thiếu kiến thức PCTT;</li> <li>- 30% người dân chưa hiểu, thiếu kinh nghiệm PCTT;</li> <li>- Tỷ lệ 10% tham gia vào công tác PCTT thấp, thiếu kinh nghiệm;</li> <li>- 70% người dân không biết bơi, phần lớn là phụ nữ và trẻ em;</li> <li>- 95% hộ dân không biết dự trữ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra;</li> <li>- Phụ nữ bị ảnh hưởng bởi tâm lý chồng đi đánh bắt xa bờ; không có người gánh vác trong gia đình nên nguy cơ thiệt hại về tài sản rất cao.</li> </ul>



<p>Sản xuất kinh doanh</p>	<p>Cơ sở vật chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ 80% diện tích trồng lúa, hoa màu, dưa nằm trong vùng trũng, vùng có nguy cơ ngập nước;</li> <li>+ Hầu hết hệ thống mương tưới chưa được kiên cố hóa; chủ yếu sản xuất dựa vào thời tiết;</li> <li>+ Các ao, hồ nuôi tôm, cua chưa được kiên cố hóa, lòng bè còn thô sơ chưa đảm bảo kỹ thuật.</li> <li>+ Có một số ống, xuống công suất nhỏ, đánh bắt gần bờ, thiếu trang thiết bị khi bão lớn, nước dâng dễ gặp rủi ro.</li> <li>+ Trang thiết bị PCTT trên thuyền còn thô sơ, chưa đảm bảo.</li> <li>+ Thiết bị cảnh báo sớm (bộ đàm) còn hạn chế về ắc-qui, nghẽn.</li> <li>+ Hầu hết chuồng trại xây dựng thô sơ, không kiên cố.</li> <li>+ 60% chuồng trại nằm ở vùng trũng, ven sông, vùng thấp.</li> <li>+ Cơ sở tiêu thụ Công nghiệp còn đơn sơ, chưa được xây dựng quy mô hiện đại.</li> <li>+ Chợ Hải Ninh tạm bợ.</li> </ul>
	<p>Tổ chức xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Tập huấn Kỹ thuật trồng trọt chưa đầy đủ;</li> <li>+ Nguồn vốn vay còn hạn chế, lãi suất cao.</li> <li>+ Hầu hết, các hộ dân nuôi trồng thủy sản tự phát, không có quy hoạch.</li> <li>+ Nguồn vốn vay còn hạn chế, lãi suất cao.</li> <li>+ Chưa có cơ sở cung cấp giống, thức ăn đảm bảo.</li> <li>+ Chưa tổ chức tập huấn áp dụng KHKT vào nuôi trồng thủy sản cho người dân.</li> <li>+ Chưa có biện pháp bao tiêu sản phẩm.</li> <li>+ Chưa tổ chức tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho các thuyền viên và ngư dân tham gia trên biển.</li> <li>+ Chưa tổ chức tập huấn áp dụng KHKT vào chăn nuôi;</li> <li>+ Chưa có cơ sở cung cấp giống, thức ăn đảm bảo.</li> <li>+ Chưa thiết lập hệ thống bao tiêu sản phẩm.</li> <li>+ Chủ yếu là tự phát hộ gia đình, chưa có quy hoạch tập trung, chủ yếu tận dụng những nguyên liệu được sản xuất và đáp ứng nhu cầu tại địa phương.</li> </ul>

	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Người dân ít áp dụng KHKT vào trồng trọt mà chủ yếu dựa vào lối sản xuất cũ.</li> <li>+ Không chịu thay đổi cơ cấu cây trồng (đặc biệt là cây dưa).</li> <li>+ Chưa áp dụng KHKT vào nuôi trồng thủy sản.</li> <li>+ Một số ngư dân vẫn còn ch ờ quan, thiếu kiến thức PCTT, không thực hiện đúng lệnh trú bão.</li> <li>+ Còn một số người dân ch ờ quan hoặc ngại khó không đi đòi gia súc, gia cầm đến nơi an toàn.</li> <li>+ Ít tham gia các lớp tập huấn áp dụng KHKT vào chăn nuôi.</li> </ul>
Sức khỏe, v ệ sinh, môi trường	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 02 thôn Trung An và Phước Thành s ử dụng giếng đóng, giếng đào; 50% s ố giếng bị nhiễm phèn.</li> <li>- 60% người dân chăn nuôi chưa xây dựng hầm Biogas</li> <li>- Dụng cụ khám chữa bệnh còn thiếu.</li> <li>- Còn 20% hộ dân chưa có nhà v ệ sinh đảm bảo v ệ sinh.</li> <li>- 40% hộ dân xe thu gom rác thải không vào được.</li> </ul>
	Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chưa thực hiện ch ết t ả x ử lý vi phạm v ệ sinh môi trường.</li> <li>- Nội dung tuyên truyền còn chung chung, thiếu nội dung, chưa cụ thể hóa.</li> </ul>
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	Phần lớn, người dân chưa quan tâm nhiều đến kiểm tra sức khỏe định kỳ mà chỉ kiểm tra sức khỏe khi thấy có vấn đề bất thường.

:Commented [4]  
Phụ nữ có gì khác?

:Commented [5]  
Phụ nữ có gì khác?

**\* Nhận xét đặc điểm dễ bị tổn thương**

:Commented [6]  
Thêm thông tin về sự khác biệt của phụ nữ

Những hộ dân sống ở vùng ven sông Trà Bồng dễ bị sạt lở khi có thiên tai, rủi ro đến tính mạng và tài sản, ngành nuôi trồng thủy sản cũng bị ảnh hưởng lớn bởi thiên tai, đặc biệt là ngư dân tham gia đánh bắt hải sản trên biển, nguy cơ thiệt hại tính mạng, tài sản, hộ lụy đi ể lại là những người phụ nữ luôn bị ảnh hưởng tâm lý lo lắng, đau buồn.

Tình trạng dễ bị tổn thương của xã về cơ sở vật chất đối với an toàn cộng đồng

An toàn nhà dân				
TT	Thống kê	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ (cần nâng cấp)
1	Thôn Trung An	988	74	12
2	Thôn Hải Ninh	838	36	14
3	Thôn Phước Thành	348	8	4
4	Thôn Vĩnh An	645	42	8

5	Thôn Vinh Trà	481	13	5
---	---------------	-----	----	---

Đường giao thông, đê, cầu, cống			
TT	Tên công trình, địa điểm	Mô tả (đường đất, bê tông, nhựa, v.v.v)	Tình trạng rủi ro
1	Đường trục xã	Bê tông, nhựa	Đang xuống cấp dễ bị ngập lụt vào mùa mưa bão
2	Đường trục thôn	Bê tông	Đang xuống cấp dễ bị ngập lụt vào mùa mưa bão
3	Đê ven sông Trà Bồng	Chưa xây dựng	Đông ngày bị sạt lở cần xây dựng kè bờ sông Trà Bồng.
4	Cầu ( 7 cầu)	Bê tông cốt thép	02 cầu Suối (Vinh An) và cầu Sông Quyền (Hải Ninh) gần hết niên hạn sử dụng.
5	Đường trục xã	Bê tông, nhựa	Đang xuống cấp dễ bị ngập lụt vào mùa mưa bão

### 3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

Bảng tóm tắt Năng lực PCTT

Lĩnh vực	Khía cạnh	Năng lực phòng chống thiên tai

<p>An toàn cộng đồng</p>	<p>Cơ sở vật chất</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà ở kiên cố: 150 có thể vận động làm nơi trú ẩn cho nhân dân;</li> <li>- Trục ở UBND xã kiên cố, 04 Nhà văn hóa thôn kiên cố (Hải Ninh, Vinh An, Vinh Trà, Trung An) làm nơi tránh bão;</li> <li>- Có 04 trạm biến áp do địa phương quản lý, 09 trạm biến áp do Điện lực Bình Sơn quản lý.</li> <li>+ 5.890m đường dây hạ thế.</li> <li>+ 100% hộ dân được sử dụng nguồn điện.</li> <li>+ Có 02 tuyến đường xã đã nhựa hóa 6.175m.</li> <li>+ Có 18 tuyến đường thôn, chiều dài 7.942 đã được bê tông hóa, đạt 49,9%, đảm bảo an toàn trong giao thông.</li> <li>+ 3.015 m tuyến đường ngõ xóm được bê tông hóa.</li> <li>+ Trường Mẫu giáo Tây An, Vinh Trà, đạt chuẩn quốc gia, trường tiểu học Vinh Trà đã kiên cố hóa.</li> <li>+ Trạm Y tế được đầu tư xây dựng khang trang (nhà 02 tầng) vào năm 2011, và đạt chuẩn quốc gia 2012.</li> <li>+ Trạm Y tế có cán bộ chuyên môn gồm: 01 bác sĩ, 04 Y sĩ, 01 dược sĩ Trung học, 01 điều dưỡng đại học, 01 nữ hộ sinh.</li> <li>+ Triển khai hoàn thành tốt công tác chăm sóc sức khỏe tại địa phương.</li> <li>+ 13\17 cụm loa hoạt động hiệu quả.</li> <li>+ 95% hộ dân sử dụng phương tiện nghe nhìn;</li> <li>+ 90% hộ dân sử dụng dịch vụ điện thoại;</li> <li>+ 30 hộ dân tiếp cận dịch vụ Internet.</li> <li>+ BCH PCTT có 02 ghe (01 ghe máy, 01 ghe chèo tay); trung dụng 02 tàu có công suất trên 9CV thực hiện việc cứu nạn trên sông.</li> <li>+ 155 hộ dân vùng ven sông có ghe tàu có thể vận động trong công tác di dời.</li> <li>+ 50% ngư dân tham gia đánh bắt hải sản có trang bị áo phao</li> </ul>
--------------------------	-----------------------	---

	<p>T ồ chức xã hội</p>	<p><b>*T ồ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban Ch ỉ huy PCTT xã được thành lập gồm có 31 người; trong đó đ ợc PCT UBND xã làm Trưởng Ban, các thành viên là đại diện các ban ngành đoàn th ể trong xã.</li> <li>- Đ ội dân quan t ừ vệ: 105 người, hầu hết là nam.</li> <li>- Thành lập Đ ội thanh niên xung kích gồm 11 thành viên có sức khỏe, nhiệt tình (trong đó cán b ộ n ữ quản lý) .</li> <li>- Hàng năm, có Quyết định kiện toàn BCH, tiến hành sơ kết, tổng kết.</li> <li>- Trung đ ội xung kích: 15 người;</li> <li>- Lực lượng d ự b ị đ ộng viên 105 người;</li> <li>- Hàng năm, BCH PCTT rà soát, kiểm tra xây dựng Phương án PCTT của xã; Thực hiện nghiêm túc ch ỉ đạo của Ban Ch ỉ huy PCTT cấp trên.</li> <li>- Triển khai thực hiện công tác tuyên truyền PCTT trước khi thiên tai xảy ra.</li> <li>- Hàng năm có xây dựng kinh phí phục v ụ cho công tác PCTT.</li> <li>- Có s ự phối hợp chặt ch ẽ giữa các t ồ chức, đoàn th ể trong công tác PCTT.</li> </ul>
<p>Sản xuất kinh doanh</p>	<p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ</p> <p>Cơ s ố v ật chất</p>	<p><b>* Nhận thức, kinh nghiệm thái độ, động cơ</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 40% người dân có kiến thức PCTT: ch ằng chống nhà cửa...;</li> <li>- 70% người dân có kinh nghiệm v ề PCTT; chuẩn b ị lương thực, thực phẩm, nước uống trước khi thiên tai xảy ra;</li> <li>- 05% h ộ dân d ự t ừ thuốc men trước khi thiên tai xảy ra;</li> <li>- Người dân có tinh thần đoàn kết, giúp đ ỡ nhau khi có thiên tai xảy ra.</li> </ul> <p>+ 20% diện tích trồng lúa, hoa màu, đ ừa nằm trong vùng cao ráo;</p> <p>- Các h ộ nằm trong vùng ngập úng đều có máy bơm nước.</p> <p>+ 33 h ộ nuôi cá lồng bè (56 lồng), diện tích 9.796m<sup>2</sup>; 09 h ộ nuôi tôm cua (21 ao, hồ), diện tích 56m<sup>2</sup>, có thu nhập cao.</p> <p>+ 112 chiếc tàu thuyền, công suất 11.720CV tham gia đánh bắt hải sản trên biển;</p> <p>+ Tổng đàn trâu: 90 con, bò: 2.000 con (trong đó có 1.120 con bò lai); heo: 3.650 con; Dê: 79 con; đàn gia cầm: 79.000 con.</p> <p>+ Toàn xã có khoáng 219 cơ sở: Bùn khô nước m ắm, g ỗ đ ẵn dụng, may gia dụng, số ch ế mức khô, cá khô... hoạt động hiệu quả.</p> <p>+ Ch ợ trung tâm xã được kiên cố, hàng hóa đảm bảo phục v ụ người dân.</p>

	<p><b>T ồ chức xã hội</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có 03 hợp tác xã (HTX nông nghiệp, dịch vụ; HTX Điện – Nước; HTX Nấm) hoạt động hiệu quả.</li> <li>+ Nhà nước hỗ trợ người dân tiếp cận vốn vay để đầu tư sản xuất.</li> <li>+ Chính quyền thực hiện chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác hải sản trên các vùng biển xa bờ của Nhà nước theo Quyết định 48/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</li> <li>+ Hỗ trợ vay vốn đầu tư phát triển ngành nghề.</li> <li>+ Triển khai thực hiện công tác phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm (Tiêm phòng dịch tả lợn, l ỡ mồm long móng, dịch cúm gia cầm).</li> </ul>
	<p><b>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Người dân có kinh nghiệm trong sản xuất.</li> <li>- Nhiều hộ dân mạnh dạn đầu tư, nuôi trồng thủy hải sản theo công nghệ mới đạt kết quả cao.</li> <li>- Người dân tìm hiểu, học tập kinh nghiệm trong việc chọn con giống, loại thức ăn, xử lý dịch bệnh.</li> <li>- Hầu hết ngư ời dân, đặc biệt là ngư dân có tinh thần đoàn kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong mọi tình huống.</li> <li>- Phần lớn, người dân có kinh nghiệm đưa gia súc, gia cầm đến nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra.</li> <li>- Biết tìm học hỏi kinh nghiệm để tăng gia sản xuất.</li> </ul>
<p><b>Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</b></p>	<p><b>Cơ sở vật chất</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trên địa bàn xã có 01 công trình cung cấp nước sinh hoạt cung cấp cho 02 thôn Vĩnh An và Hải Ninh.</li> <li>- Thôn Vĩnh Trà sử dụng nước của Nhà máy nước Vinaconex Dung Quất.</li> <li>- Có 40% hộ dân chăn nuôi có hầm biogas.</li> <li>- Đội ngũ cán bộ Trạm Y tế đảm bảo trình độ thực hiện CSSK cho nhân dân.</li> <li>- Có 21 cộng tác viên y tế cũng thường xuyên tham gia tập huấn để trang bị kiến thức.</li> <li>- 80% có nhà vệ sinh đảm bảo vệ sinh.</li> <li>- Hợp đồng Công ty Môi trường thu gom và vận chuyển rác thải cho 60% hộ dân.</li> </ul>
	<p><b>T ồ chức xã hội</b></p>	<p><b>*T ồ chức xã hội</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hỗ trợ BHYT cho 100% hộ gia đình.</li> <li>- Thực hiện tốt chương trình tiêm chủng quốc gia.</li> <li>- Xử lý nguồn nước cho người dân sau khi thiên tai xảy ra.</li> <li>- Tổ chức ra quân vệ sinh môi trường.</li> <li>- Thực hiện tuyên truyền VSMT.</li> <li>- Phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành đoàn thể trong việc thực hiện CSSK và VSMT.</li> </ul>

	<p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ</p>	<p>Phần lớn, người dân quan tâm đến vấn đề sức khỏe, kiểm tra sức khỏe khi thấy có vấn đề bất thường.</p>
--	---	---

**\* Nhận xét về năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH**

Xã Bình Thạnh có cơ sở tảng tương đối đảm bảo: giao thông được kiên cố hóa chiếm gần 50%, các điều kiện về trường học, mạng lưới điện phủ khắp, phần lớn trường học, trình độ giáo viên đảm bảo, 100% học sinh đến tuổi đi học được đến trường; trạm Y tế cơ sở kiên cố, nhận lực, trình độ chuyên môn đảm bảo khám bệnh cho nhân dân, triển khai tốt chương trình tiêm chủng mở rộng, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh và vệ sinh môi trường tại địa phương... đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân trong công tác phòng chống thiên tai. Chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo điều kiện và hỗ trợ người dân trong phát triển sản xuất, tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực cho người dân trong phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng khi thực hiện công tác phân tích giới cho thấy việc tiếp cận cơ sở vật chất liên quan đến an toàn cộng đồng, sản xuất kinh doanh, sức khỏe vệ sinh môi trường, nam là người được tiếp cận nguồn lực nhiều hơn nữ, nam có quyền quyết định trong gia đình nên họ tự tin, chủ động sáng tạo trong công việc; nam có nhiều cơ hội tìm kiếm việc làm, cơ hội thăng tiến, học hỏi kinh nghiệm; Nữ là người chăm lo công việc gia đình nên họ có kiến thức kinh nghiệm về chăm sóc con cái, cất giữ trữ đạc trong gia đình, cần cù chịu khó, một số chị em có nhiều kinh nghiệm hoạt động xã hội, đã chủ động xây dựng nguồn lực, phát triển kinh tế hộ gia đình.

**4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân**

Là địa phương hàng năm chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai, nhưng hiểu biết về rủi ro thiên tai, biến đổi khí hậu của người dân còn hạn chế, có kinh nghiệm truyền thống về phòng tránh thiên tai nhưng còn rất ít, chưa đầy đủ, đặc biệt là việc áp dụng trong điều kiện biến đổi khí hậu chưa nhiều. Những năm gần đây qua hệ thống thông tin đại chúng thì hiểu biết về rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu của người dân ngày càng được cải thiện hơn, thể hiện qua việc làm nhà kiên cố hơn, có dự trữ lương thực thực phẩm trước mùa thiên tai. Nhưng đa số người dân chưa được tập huấn, ít được truyền truyền phổ biến kiến thức về BĐKH, kỹ thuật xây nhà chống bão... Tuy nhiên với sự phát triển của công nghệ thông tin, những phương tiện nghe, nhìn, hệ thống thông tin đại chúng và công tác tuyên truyền, vận động thì người dân đã hiểu biết hơn về biến đổi khí hậu, nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên họ vẫn chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng chống thiên tai. Một số người dân ý thức đóng góp cộng đồng cho việc phòng chống thiên tai chưa cao, còn trông chờ, ỷ lại vào sự đầu tư của nhà nước nên chưa huy động được nhiều nội lực từ nhân dân.

Qua đợt đánh giá tại cộng đồng cơ anam và nữ thì nhận thức của nam giới tốt hơn so với nữ giới vì nam giới thường là trụ cột gia đình, là người quyết định mọi việc và tham gia các hoạt động xã hội nhiều hơn, đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, nên hiểu biết về RRTT cũng nhiều hơn nữ giới.

**C. Tổng hợp Rủi ro thiên tai và Giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH**

**1. Tổng hợp rủi ro thiên tai/BĐKH:**

Thiên tai	Xu hướng thiên tai	Rủi ro thiên tai/BĐKH
-----------	--------------------	-----------------------

<p><b>Bão</b></p>	<p>Gió lớn cấp 10, cấp 11, kèm mưa to</p> <p>Tần suất ngày càng tăng, cấp độ bão ngày càng lớn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà sập, trôi, tốc mái ;</li> <li>- Tài sản, các trang thiết bị gia dụng hư hỏng;</li> <li>- Cơ sở atăng bị phá hủy;</li> <li>- Hư hỏng đường giao thông.</li> <li>- Sập cầu, gián đoạn giao thông;</li> <li>- Sập , tốc mái trường học khi có bão; học sinh nghỉ học;</li> <li>- Cột điện bị đổ, hệ thống đường dây điện bị hư hỏng nặng' .</li> <li>- Ao, hồ nuôi tôm, cua bị vỡ, sạt lở; lồng bè nuôi cá bị trôi, hư hỏng nặng; thùy sản bị trôi;</li> <li>- Tàu thuyền bị trôi, chìm, ngư lưới cụ bị trôi, hư hỏng.</li> <li>- Diện tích lúa, hoa màu bị, đổ gãy, ngập úng.</li> <li>- Gia súc, gia cầm chết, trôi;</li> <li>- Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh về người và gia súc.</li> <li>- Ô nhiễm nguồn nước sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân.</li> </ul>
-------------------	---	---



Lũ, lụt	Mưa to kéo dài, nước dâng nhanh ; xuất hiện nhiều hơn so với những năm trước đây. Nước lên nhanh, rút chậm ( 3 ngày mới rút hết)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- B ị thương v ề người.</li> <li>- Nhà b ị sập, hư hỏng mái.</li> <li>- Nhà b ị ngập nước khoảng 1,5-2mét.</li> <li>- Đường giao thông b ị sạt lở, hư hỏng.</li> <li>- B ị ô nhiễm b ị sạt lở.</li> <li>- Hoa màu b ị ngập úng; lương thực, thực phẩm bị ướt. Ruộng lúa bị sạ bởi thủy phá.</li> <li>- 50% hàng hóa của tiểu thương bị hư hỏng, ướt.</li> <li>- Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp bị ngập nước hư hỏng hàng hóa, gián đoạn hoạt động;</li> <li>- 100% giếng nước bị ô nhiễm.</li> <li>- Thiệt hại về gia súc, gia cầm.</li> <li>- Tài sản của các cơ quan; các trang thiết bị trong trường học bị hư hỏng nặng.</li> <li>- Môi trường bị ô nhiễm, dịch bệnh về người và gia súc.</li> <li>- Ô nhiễm nguồn nước, môi trường sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân</li> </ul>
---------	--	---

## 2. Xếp hạng rủi ro thiên tai/BĐKH:

Qua phân tích thiên tai và tình trạng dễ bị tổn thương, người dân và cán bộ xã đã xác định được 09 rủi ro thiên tai thường xuyên ảnh hưởng đến người dân toàn xã, tiến hành xếp hạng theo 3 tiêu chí: (1) Nghiêm trọng; (2) Diện rộng; (3) Thường xuyên xảy ra, kết quả theo bảng sau:

Rủi ro thiên tai/BĐKH	Cụm 1 (Hải Ninh, Vĩnh An, Vĩnh Trà)		Cụm thôn (Trung An, Phước Thành)		Tổng cộng		Tổng cộng	Xếp hạng
	Nam (14)	Nữ (16)	Nam (17)	Nữ (13)	Nam (31)	Nữ (29)		
1. Nhà ở có nguy cơ sập, tốc mái, hư hỏng.	9	9	9	9	18	17	36	1

2. Ô nhiễm môi trường	4	3	5	4	9	7	<b>16</b>	<b>7</b>
3. Thiệt hại về cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp	2	4	7	6	9	10	<b>19</b>	<b>4</b>
4. Nguy cơ ao, hồ ô nhiễm, vỡ, lồng bè bị trôi; sản lượng thủy sản mất trắng khi có thiên tai	8	6	1	2	9	8	<b>17</b>	<b>6</b>
5. Người có thể bị chết hoặc bị thương.	5	7	6	7	11	14	<b>25</b>	<b>2</b>
6. Đường giao thông có thể bị chia cắt	1	2	4	8	5	10	<b>15</b>	<b>8</b>
7. Học sinh phải nghỉ học do trường học bị hư hỏng	2	1	2	3	4	3	<b>7</b>	<b>9</b>
8. Gia súc, gia cầm có thể bị chết, trôi, dịch bệnh	3	8	8	5	11	13	<b>24</b>	<b>3</b>
9. Tàu thuyền bị hư hỏng, chìm khi thiên tai xảy ra	7	7	3	1	10	8	<b>18</b>	<b>5</b>

**Kết quả xếp hạng rủi ro theo các lĩnh vực:**

- **An toàn cộng đồng:** Người dân k ể anam và n ữ ó các thôn đều đặc biệt quan tâm đến các rủi ro: Người có thể bị chết hoặc bị thương; nhà bị sụp, tóc mái hư hỏng; học sinh nghỉ học do trường học bị hư hỏng.

- **Sản xuất, kinh doanh:** Người dân ộcum thôn (Hải Ninh, Vĩnh An, Vĩnh Trà) tham gia hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản, đánh bắt thủy sản nên đặc biệt quan tâm đến những rủi ro: Tàu thuyền bị hư hỏng, chìm; ao, hồ nuôi tôm cua bị sụp, vỡ, lồng bè nuôi cá bị trôi, ph ụ ù cũng rất quan tâm vì lo lắng mất mát tài sản, mất mát người thân; người dân ộcum thôn (Trung An, Phước Thành) quan tâm đến những rủi ro thiệt hại về cây lương thực, hoa màu và cây công nghiệp, gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh.

- **Sức khỏe, vệ sinh, nước sạch, môi trường:** Người dân quan tâm đến rủi ro môi trường bị ô nhiễm.

\* **Nhận xét chung:** đa số người dân xã Bình Chánh vẫn còn thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, biến đổi khí hậu nên nhận thức về rủi ro thiên tai, BDKH còn hạn chế; đặc biệt là những người dân thôn An Vĩnh, An Hải, Hải Ninh, là khu vực có nguy cơ cao, những người dân người sống bằng nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản chưa được tập huấn kiến thức PCTT, cứu hộ cứu nạn, sơ cấp cứu; đa số các hộ dân ven sông, vùng có nguy cơ cao d ể tác động của bão, lũ nhưng người dân thiếu kiến thức về xây dựng nhà an toàn, kỹ thuật chống ch ố nhà cửa; mặt khác không có rừng ngập mặn đ ể bảo vệ nên nguy cơ thiệt hại về người, nhà cửa rất cao. Đặc biệt người ph ụ ù luôn phải chịu áp lực với

tác động của thiên tai, vừa lo lắng tổn hại về tài sản, mùa màng, hàng hóa..., họ còn phải chịu tổn hại về tinh thần khi người chồng, người con trai tham gia đánh bắt hải sản trên biển với bao nguy hiểm, rủi ro.

**Tổng hợp giải pháp phòng, chống thiên tai/BĐKH**

**:Commented [7]**  
 Có giải pháp nào do phụ nữ kiến nghị?  
 Liệu có thể phân tách giải pháp nào liên quan đến giảm rủi ro thiên tai trước mắt, giải pháp nào liên quan thích ứng BĐKH về dài hạn?

STT	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm; Người hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thực hiện	Thời gian	Nguồn ngân sách dự kiến		
						Nhà nước	Người dân	Huy động
1	Vận động làm nhà cho 18 hộ dân có nhà đơn sơ ở vùng có nguy cơ cao, nhà có hoàn cảnh khó khăn	Các hộ có nhà đơn sơ, không kiên cố	1. Khảo sát, đánh giá, bình xét, lập danh sách	Các đoàn thể thôn, xã, địa chính, XD	Ngắn hạn	100%		
			2. Vận động nguồn lực	Ban Mặt trận thôn, CQ địa phương	Ngắn hạn	30%	20%	50%
			3. Thành lập nhóm thợ XD nhà an toàn; Tập huấn XD nhà an toàn cho các nhóm thợ	Chức vụ, Địa chính	Ngắn hạn	100%		
			4. Thiết kế và xây dựng nhà an toàn	Địa chính, XD	Ngắn hạn	50%	50%	
			5. Đưa vào sử dụng	Hộ dân	Dài hạn		100%	
2	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT; xây dựng nhà an	Đội xung kích, lực lượng đánh bắt hải sản, Cán bộ, giáo viên, Nghiệp Đoàn nghề cá.	1. Lập KH (kinh phí, điều kiện đảm bảo)	Lãnh đạo UBND, các đoàn thể	Ngắn hạn	100%		
			2. Tuyên truyền PCTT lồng ghép qua các buổi họp thôn và các ban, ngành đoàn thể.	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể	Thường xuyên	100%		

	toàn trước thiên tai	Người dân trong xã	3. Tuyên truyền thông qua hệ thống truyền thanh xã	Lãnh đạo UBND, Cán bộ văn hóa thông tin xã	Thường xuyên	100%		
			4. Tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn cho đội xung kích, lực lượng đánh bắt hải sản; người dân, các em học sinh.	Trạm y tế; các ban, ngành, đoàn thể xã, hiệu trưởng các trường	Trung hạn	25%	5%	70%
			5. Tổ chức diễn tập	Ban CHPCTT, Trưởng thôn, dân	Trung hạn	30%	20%	50%
3	Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông, biển báo, cảnh báo sớm		1. Khảo sát, đánh giá	CB văn hóa, Lãnh đạo xã	Ngắn hạn	100%		
			2. Lập dự toán	Cán bộ Văn hóa; tài chính	Ngắn hạn	100%		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	50%		50%
			4. Tổ chức thực hiện	UBND xã, xây dựng	Trung hạn	70%	20%	
			5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, cán bộ Văn hóa	Dài hạn	100%		
4	Bảo vệ điện tích rừng hiện có và	Hải Ninh, Vĩnh Trà (rừng ngập mặn).	1. Tuyên truyền vận động các hộ dân trồng cây xung quanh nhà, vườn, khu công sở...	Ban ngành, đoàn thể, trưởng thôn	Dài hạn	100%		

	trồng mới (rừng phòng hộ trên cát và rừng ngập mặn)	Phước Thành	2. Khảo sát lại diện tích rừng hiện có	Địa chính, XD	Ngắn hạn	100%		
			3. Trồng bổ sung diện tích rừng phòng hộ và rừng ngập mặn (Hướng dẫn người dân ra quân trồng vào mùa xuân hàng năm)	CQ địa phương, nhân dân	Dài hạn	30%	30%	70%
			4. Xây dựng quy chế trồng, bảo vệ rừng (hạn chế phá rừng để nuôi tôm, làm nhà)	UBND xã	Dài hạn	50%	50%	
5	Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông liên thôn; xây mới cầu Sông Quyền (Hải Ninh) và Cầu Suối (Vĩnh An)	Toàn xã	1. Khảo sát, đánh giá	Địa chính-GT-TL	Trung hạn	100%		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	80%	20%	
			5. Tổ chức thực hiện	UBND xã, đoàn thể	Trung hạn	100%		
			6. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, các thôn	Dài hạn		100%	
6	Áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản	Người dân toàn xã	1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn	Trường thôn, các ngành, đoàn thể, Nông nghiệp	Thường xuyên	100%		
			2. Tập huấn trang bị kiến thức về trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy hải sản cho người dân	UBND xã, Phòng Nông nghiệp	Thường xuyên	100%		

			3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo	HTX, Phòng Nông nghiệp	Ngắn hạn	50%	50%	
7	Đẩy mạnh việc củng cố và phát triển Nghiệp đoàn nghề cá	Chỉ huy, tàu và ngư dân	1. Xây dựng kế hoạch phát triển bền vững nghề cá	Nghiệp đoàn nghề cá	Ngắn hạn	100%		
			2. Tăng cường công tác quản lý xuất nhập bến	Trạm Kiểm soát Biên phòng, Nghiệp đoàn nghề cá	Thường xuyên	100%		
			3. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ	CQĐP, Nghiệp đoàn nghề cá, Chủ tàu thuyền	Thường xuyên	30%	20%	50%
			4. Thành lập và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá	CQĐP, Nghiệp đoàn nghề cá, người dân	Thường xuyên	20%	80%	
8	Xây dựng hệ thống sạt lở và khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão		1. Khảo sát, đánh giá, bình xét, lập danh sách	CQĐP xã, địa chính, XD	Ngắn hạn	100%		
			2. Lập dự toán	Địa chính-GT-TL	Ngắn hạn	100%		
			3. Vận động nguồn lực	UBND xã, các đoàn thể	Trung hạn	100%		
			4. Tổ chức thực hiện	UBND xã, XD	Trung hạn	100%		
			5. Vận hành, sử dụng, bảo quản	UBND xã, các thôn	Dài hạn		100%	

9	Xây dựng mới 15 phòng học trường THCS Bình Thạnh, 06 phòng trường TH số 1 và 06 phòng học trường TH số 2, trường MG	1. Khảo sát, đánh giá, bình xét, lập danh sách	CQDP xã, Hiệu trưởng các trường	Ngắn hạn	100%		
		2. Vận động nguồn lực	CQDP xã, Hiệu trưởng các trường	Trung hạn	100%		
		3. Tổ chức thực hiện	CQDP xã, Hiệu trưởng các trường	Trung hạn	100%		
		4. Vận hành, sử dụng, bảo quản	Giáo viên và học sinh	Dài hạn		100%	
10	Xử lý ÔNMT và nguồn nước	1. Tuyên truyền lồng ghép qua các cuộc họp thôn về VSMT	Trưởng thôn, các ngành, đoàn thể,	Thường xuyên	100%		
		2. Quy hoạch điểm thu gom và xử lý rác thải	UBND xã, Địa chính	Ngắn hạn	100%		
		3. Đầu tư, mở rộng, nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch	UBND xã, HTX dịch vụ điện nước	Ngắn hạn	50%	50%	
		4. Thực hiện chuyển tải xử lý vi phạm ÔNMT	UBND, Công an, người dân	Thường xuyên	100%		

#### D. Kết luận và đề xuất

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai và thích ứng biến đổi khí hậu, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại do thiên tai gây ra cho người dân xã Bình Thạnh, trong thời gian tới, đề xuất các ngành, các cấp có thẩm quyền cần tập trung một số giải pháp sau:

##### 1. Đối với các ngành

:Commented [8]

Nên có vai trò cụ thể của Hội phụ nữ và liên kết vai trò với dự án GCF

- **Nông nghiệp:** Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo; đẩy mạnh việc áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản.

- **Lâm nghiệp:** Bảo vệ diện tích rừng hiện có và trồng mới (rừng phòng hộ trên cát và rừng ngập mặn).

- **Thủy sản:** Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ; đẩy mạnh việc cùng cố và phát triển Nghiệp đoàn nghề cá.

- **Xây dựng:** Xây dựng kè đê bao sông Trà Bồng; xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; xây dựng nhà an toàn trước thiên tai; thiết kế và xây dựng nhà an toàn, tập huấn cho các đội thi kỹ thuật xây dựng nhà an toàn.

- **Giáo dục:** Đầu tư xây dựng mới 15 phòng học trường THCS Bình Thạnh, 06 phòng trường TH số 1 và 06 phòng học trường TH số 2, trường mẫu giáo.

- **Giao thông:** Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông liên thôn; xây mới cầu Sông Quyên (Hải Ninh) và Cầu Suối (Vĩnh An).

- **Thông tin truyền thông:** Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông, biển báo, cảnh báo sớm; Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về PCTT.

- **Môi trường:** Quy hoạch điểm thu gom và xử lý rác thải; Đầu tư, mở rộng, nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch; tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người về vệ sinh môi trường.

- **Các tổ chức:** Vận động làm nhà cho 18 hộ dân có nhà đơn sơ ở vùng có nguy cơ cao, nhà có hoàn cảnh khó khăn;

## 2. Đối với UBMTTQVN và các đoàn thể xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, nâng cao hiểu biết, nâng cao ý thức chủ động phòng ngừa, ứng phó khi thiên tai xảy ra, theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh, thu gom, xử lý rác thải và xử lý triệt để các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động phòng chống thiên tai và các hoạt động khác.

## 3. Đối với Đảng ủy, UBND Xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai, Điều 1002 của Chính Phủ, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động, kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, các chương trình dự án để xây dựng hệ thống loa truyền thanh toàn xã, nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, các biển báo nơi có nguy cơ cao

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch phòng chống thiên tai và lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai.

- Hàng năm sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời trong công tác phòng chống thiên tai.



#### **4. Cấp huyện, tỉnh, Trung ương**

Đề có các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Bình Thạnh chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Bình Chánh kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động trong kế hoạch PCTT và xem xét giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

##### **\*An toàn cộng đồng**

1. Hỗ trợ xây dựng nhà ở cho các hộ dân có nhà ở không an toàn, đặc biệt gia đình phụ nữ là chủ hộ;
2. Nâng cấp, đầu tư trang bị hệ thống truyền thông, biển báo, cảnh báo sớm;
3. Nâng cấp, bê tông hóa đường giao thông liên thôn; xây mới cầu Sông Quyên (Hải Ninh) và Cầu Suối (Vĩnh An);
4. Xây dựng mới 15 phòng học trường THCS Bình Thạnh, 06 phòng trường TH số 1 và 06 phòng học trường TH số 2, xây dựng mới lại trường Mẫu giáo Vĩnh An.
5. Xây dựng kè đê bao sông Trà Bồng;
6. Quy hoạch, xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão;
7. Tập huấn kiến thức PCTT, biến đổi khí hậu cho cán bộ, người dân, học sinh các trường học (ít nhất 30% nữ tham gia);
8. Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, lực lượng đánh bắt xa bờ;
9. Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT.

##### **\* Sản xuất kinh doanh**

1. Huy động nguồn lực đầu tư nâng cấp tàu, thuyền và ngư lưới cụ;
2. Đẩy mạnh việc cùng cò và phát triển Nghiệp đoàn nghề cá;
3. Thiết lập cơ sở cung cấp giống tốt, thức ăn có nguồn gốc đảm bảo;
4. Tập huấn áp dụng KHKT vào trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản (ít nhất 30% nữ tham gia);

##### **\* Sức khỏe, vệ sinh, môi trường**

1. Quy hoạch điểm thu gom và xử lý rác thải;
2. Đầu tư, mở rộng, nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch;
3. Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người về vệ sinh môi trường nhất là đối tượng phụ nữ.

Trên đây là báo cáo đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Nhóm hỗ trợ kỹ thuật và Nhóm cộng đồng xã Bình Thạnh thực hiện đánh giá vào tháng 3 năm 2018 đã được lãnh đạo xã và các ngành, đoàn thể góp ý bổ sung./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA, Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN Tỉnh, Huyện (báo cáo);
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn th ềXã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CH ỨTỊCH**

TM. UBND xã

**Các phụ lục kèm theo báo cáo Đánh giá RRTT-DVCD:**

- Phụ lục 1. Giới thiệu về mục tiêu và phương pháp đánh giá
- Phụ lục 2. Danh sách tham gia đánh giá RRTT-DVCD
- Phụ lục 3. Lịch trình đánh giá tại địa phương
- Ph ụ lục 4. Kết qu ảđánh giá
- Ph ụ lục 5. K ế hoạch PTKTXH xã tại năm đánh giá
- Ph ụ lục 6. Các bảng biểu, bản đ ồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn
- Ph ụ lục 7. Ảnh chụp một s ố hoạt động đánh giá của nhóm